

(Mẫu này dành cho giáo viên)

**PHÒNG GD&ĐT NÚI THÀNH**  
**TRƯỜNG THCS LÊ VĂN TÂM**  
**TỔ: TỰ NHIÊN**

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN HỌC - NĂM HỌC 2023-2024**  
**MÔN: HÓA HỌC**  
**KHỐI: 9**

**I. Thông tin:**

1. Giáo viên: Đỗ Hồng Bảo Thiên
2. Dạy lớp: 9/1, 9/2

**II. Kế hoạch cụ thể:**

**HỌC KỲ I**  
**Từ tuần 1 đến tuần 18 (thực học)**

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học				
1	1-2	Ôn tập đầu năm	I. Ôn tập kiến thức cơ bản trong chương trình lớp 8 II. Ôn tập các bước giải bài tập tính theo phương trình hóa học	- Học sinh hệ thống lại kiến thức ở lớp 8 làm cơ sở để tiếp thu những kiến thức mới ở chương trình hóa học lớp 9. + Phân loại các loại hợp chất vô cơ: khái niệm, phân loại, cách gọi tên. + Một số gốc axit thường gặp + Một số công thức trong giải toán hóa học + Các bước giải bài tập tính theo phương trình hóa học + Giải được bài tập tính theo phương trình hóa học	Trên lớp				
2-3	3-5	<table><tr><td>Chủ đề 1: Oxit</td><td>Bài 1. Tính chất hóa học của oxit - Khái quát về sự phân loại oxit</td></tr><tr><td></td><td>Bài 2. Một số oxit quan trọng</td></tr></table>	Chủ đề 1: Oxit	Bài 1. Tính chất hóa học của oxit - Khái quát về sự phân loại oxit		Bài 2. Một số oxit quan trọng	I. Oxit bazo có những tính chất hóa học nào? * Canxi oxit có những tính chất nào? II. Oxit axit có những tính chất hóa học nào? * Lưu huỳnh đioxit có những tính chất gì? III. Khái quát về sự phân loại oxit	- Trình bày được tính chất hóa học của oxit bazo và oxit axit. - Phân chia oxit thành 4 loại: oxit axit, oxit bazo, oxit lưỡng tính và oxit trung tính. - Viết được các phương trình hoá học minh họa tính chất hoá học của oxit. - Tính thành phần phần trăm về khối lượng của oxit trong hỗn hợp hai chất. - Trình bày được tính chất hoá học của canxi oxit và lưu huỳnh đioxit - Nêu được ứng dụng, điều chế canxi oxit - Giải thích được ứng dụng của canxi oxit trong thực tế.	Trên lớp, tự học có hướng dẫn
Chủ đề 1: Oxit	Bài 1. Tính chất hóa học của oxit - Khái quát về sự phân loại oxit								
	Bài 2. Một số oxit quan trọng								

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học		Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học
					- Viết được phương trình hóa học chứng minh tính chất hóa học của oxit.	
3-4	6-8	Chủ đề 2: Axit	Bài 3. Tính chất hóa học của axit Bài 4. Một số axit quan trọng	I. Tính chất hóa học của axit II. Axit mạnh và axit yếu III. Một số axit quan trọng <ol style="list-style-type: none"> <li>Axit clohidric (HCl)</li> <li>Axit sunfuric (H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>)</li> <li>Ứng dụng của axit H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub></li> <li>Sản xuất axit sunfuric</li> <li>Nhận biết axit sunfuric và muối sunfat</li> </ol>	- Trình bày được tính chất hóa học của axit: Tác dụng với quỳ tím, với bazơ, oxit bazơ và kim loại. - Viết được phương trình minh họa tính chất hóa học của một số axit. - Tính được nồng độ hoặc khối lượng dung dịch axit HCl, H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> trong phản ứng. - Có tính cẩn thận khi dùng axit, đặc biệt là axit sunfuric đặc. - Nêu được ứng dụng, cách nhận biết H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> loãng và H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> đặc (tác dụng với kim loại, tính háo nước). - Trình bày được phương pháp sản xuất H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> trong công nghiệp. - Viết các phương trình hóa học chứng minh tính chất hóa học H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> loãng và H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> đặc nóng. - Nhận biết được dung dịch axit HCl và muối clorua, axit H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> và dung dịch muối Sunfat - Giải được bài tập tính nồng độ hoặc khối lượng dung dịch axit HCl, H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> .	Trên lớp, tự học có hướng dẫn
5	9	Bài 6. Thực hành: Tính chất oxit, axit		I. Tiến hành thí nghiệm: <ol style="list-style-type: none"> <li>Tính chất hóa học của axit               <ol style="list-style-type: none"> <li>TN 1: Phản ứng của canxi oxit với nước</li> <li>TN 2: Phản ứng của điphotpho penta oxit</li> </ol> </li> <li>Nhận biết các dung dịch</li> </ol> II. Viết tường trình	- Nêu được mục đích, các bước tiến hành, kĩ thuật thực hiện các thí nghiệm và tiến hành được các thí nghiệm: + Oxit tác dụng với nước tạo thành dung dịch bazơ hoặc axit. + Nhận biết được dung dịch axit hoặc bazơ và dung dịch muối sunfat	Trên lớp
5-6	10-11	Chủ đề 3: Bazo	Bài 7. Tính chất hóa học của bazo	I. Tính chất hóa học của bazo: II. Một số bazo quan trọng <ol style="list-style-type: none"> <li>Natri hiđroxit:</li> </ol>	- Nêu được những tính chất hoá học chung của bazo (tác dụng với axit), tính chất hóa học riêng của bazo tan (kiềm) (tác dụng với chất chỉ thị màu, với oxit	Trên lớp, tự học có hướng dẫn

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học		Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học
			<div>bazo</div> <div>Bài 8. Một số bazo quan trọng</div>	2. Canxi hiđroxit:	<div>axit và với dung dịch muối), tính chất riêng của bazo không tan trong nước (bị nhiệt phân hủy).</div> <div>- Tra được bảng tính tan để biết một bazo cụ thể thuộc loại kiềm hoặc bazo không tan.</div> <div>- Nhận biết môi trường dd bằng chất chỉ thị màu (giấy quỳ tím hoặc ddphenolphthalein)</div> <div>- Viết được các phương trình minh họa tính chất hóa học của bazo; điển hình là NaOH, Ca(OH)<sub>2</sub></div> <div>- Trình bày được tính chất, ứng dụng của NaOH, Ca(OH)<sub>2</sub>; phương pháp sản xuất NaOH từ muối ăn.</div> <div>- Nhận biết môi trường dung dịch bằng chất chỉ thị màu.</div> <div>- Nhận biết được dung dịch NaOH và Ca(OH)<sub>2</sub></div> <div>- Tính được khối lượng hoặc thể tích dung dịch NaOH, Ca(OH)<sub>2</sub></div> <div>- Hiểu được ý nghĩa giá trị pH của dung dịch.</div>	
6-7	12-13	<div>Chủ đề 4: Muối</div>	<div>Bài 9. Tính chất hóa học của muối</div> <div>Bài 10. Một số muối quan trọng</div>	<div>I. Tính chất hóa học của muối:</div> <div>II. Phản ứng trao đổi:</div> <div>III. Muối natri clorua:</div>	<div>- Trình bày được tính chất hóa học của muối: tác dụng với kim loại, dung dịch axit, dung dịch bazo, dung dịch muối khác, nhiều muối bị phân hủy ở nhiệt độ cao.</div> <div>- Viết được phương trình minh họa tính chất hóa học của muối</div> <div>- Nêu được khái niệm và điều kiện phản ứng trao đổi thực hiện được.</div> <div>- Nhận biết được một số muối cụ thể.</div> <div>- Tính khối lượng hoặc thể tích dung dịch muối trong phản ứng</div> <div>- Nêu được một số tính chất và ứng dụng của muối NaCl</div> <div>- Vận dụng những tính chất của NaCl thực hành và bài tập</div> <div>- Tính khối lượng và thể tích dung dịch muối trong</div>	Trên lớp

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học
				phản ứng.	
7	14	Bài 11. Phân bón hóa học	II. Những phân bón hóa học thường dùng:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết được tên, thành phần hóa học và ứng dụng của một số phân bón hóa học thông dụng.</li> <li>- Nhận biết được một số phân bón hóa học thông dụng.</li> </ul>	Trên lớp
8	15	Bài 12. Mối quan hệ giữa các hợp chất vô cơ	I. Mối quan hệ giữa các loại hợp chất vô cơ II. Những phản ứng hóa học minh họa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận ra và chứng minh được mối quan hệ giữa oxit, axit, bazơ, muối.</li> <li>- Lập sơ đồ mối quan hệ giữa các loại hợp chất vô cơ.</li> <li>- Viết được các phương trình hóa học biểu diễn sơ đồ chuyển hóa.</li> <li>- Phân biệt được một số hợp chất vô cơ cụ thể.</li> </ul>	Trên lớp
8	16	Bài 13. Luyện tập chương I: Các loại hợp chất vô cơ	I. Kiến thức cần nhớ 1. Phân loại các hợp chất vô cơ 2. Tính chất hóa học của các loại hợp chất vô cơ II. Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt được các loại hợp chất vô cơ.</li> <li>- Hệ thống hóa những tính chất của mỗi loại hợp chất vô cơ, viết được các phương trình phản ứng hoá học minh họa.</li> <li>- Vận dụng kiến thức lí thuyết để giải các bài tập, giải thích những hiện tượng tự nhiên, áp dụng trong sản xuất và trong đời sống.</li> </ul>	Trên lớp
9	17	Bài 14. Thực hành: Tính chất hóa học của bazo và muối	I. Tiến hành thí nghiệm: 1. Tính chất hóa học của bazo: TN 1: Natri hidroxit tác dụng với muối TN 2: Đồng ( II ) hidroxit tác dụng với axit 2. Tính chất hóa học của muối TN 3: Đồng ( II ) sunfat tác dụng với kim loại TN 4: Bari clorua tác dụng với muối TN 5: Bari clorua tác dụng với axit	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được mục đích, các bước tiến hành, kĩ thuật thực hiện các thí nghiệm và tiến hành được các thí nghiệm:              + Bazơ tác dụng với dung dịch axit, với dung dịch muối.              + Dung dịch muối tác dụng với kim loại, với dung dịch muối khác và với axit.</li> <li>- Sử dụng được dụng cụ, hóa chất để tiến hành an toàn, thành công 5 thí nghiệm trên.</li> </ul>	Phòng thực hành

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học		Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học				
				II. Viết bản tường trình:						
9	18	Ôn tập		I. Kiến thức cần nhớ: II. Bài tập:	- Trình bày được và viết phương trình minh họa tính chất hóa học của oxit, axit, bazơ và muối. - Mối liên hệ giữa các hợp chất vô cơ. - Điều kiện để phản ứng hóa học giữa muối và các chất khác được xảy ra. - Viết phương trình hóa học.; Nhận biết các chất; Tính thể tích dung dịch, khối lượng dung dịch...	Trên lớp				
10	19	Kiểm tra giữa kì I								
10, 11	20-22	<table border="1"><tr><td rowspan="3">Chủ đề 5: Tính chất của kim loại - Dãy hoạt động hoá học của kim loại</td><td>Bài 15. Tính chất vật lí của kim loại</td></tr><tr><td>Bài 16. Tính chất hóa học của kim loại</td></tr><tr><td>Bài 17. Dãy hoạt động hóa học của kim loại</td></tr></table>		Chủ đề 5: Tính chất của kim loại - Dãy hoạt động hoá học của kim loại	Bài 15. Tính chất vật lí của kim loại	Bài 16. Tính chất hóa học của kim loại	Bài 17. Dãy hoạt động hóa học của kim loại	I. Tính chất vật lí của kim loại: II. Tính chất hóa học của kim loại: III. Dãy hoạt động hóa học của kim loại – Ý nghĩa của dãy hoạt động hóa học của kim loại:	- Nêu được tính chất vật lí của kim loại. - Trình bày và viết được phương trình hóa học thể hiện tính chất hóa học của kim loại: Tác dụng với phi kim, dung dịch axit, dung dịch muối. - Tính khối lượng của kim loại trong phản ứng thành phần phần trăm về khối lượng của hỗn hợp hai kim loại. - Nêu được dãy hoạt động hóa học của kim loại K, Na, Mg, Al, Zn, Fe, Pb, (H) Cu Ag, Au. Nêu được ý nghĩa của dãy hoạt động hóa học của kim loại. - Vận dụng được ý nghĩa dãy hoạt động hóa học của kim loại để dự đoán kết quả phản ứng của kim loại cụ thể với dung dịch axit, nước và với dung dịch muối. - Tính khối lượng của kim loại trong phản ứng thành phần phần trăm về khối lượng của hỗn hợp hai kim loại.	Trên lớp
Chủ đề 5: Tính chất của kim loại - Dãy hoạt động hoá học của kim loại	Bài 15. Tính chất vật lí của kim loại									
	Bài 16. Tính chất hóa học của kim loại									
	Bài 17. Dãy hoạt động hóa học của kim loại									
12	23	Bài 18: Nhôm		I. Tính chất vật lí: II. Tính chất hóa học: III. Ứng dụng: IV. Sản xuất nhôm:	- Trình bày tính chất hóa học của nhôm và viết được phương trình hóa học minh họa: chúng có những tính chất hóa học chung của KI; nhôm không phản ứng với HNO <sub>3</sub> và H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> đặc nguội; nhôm phản ứng với dung dịch kiềm.	Trên lớp				

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được phương pháp sản xuất nhôm bằng phương pháp điện phân nhôm oxit nóng chảy</li> <li>- Phân biệt được nhôm và Fe bằng phương pháp hóa học</li> <li>- Tính thành phần phần trăm về khối lượng của hỗn hợp bột nhôm và Fe tham gia phản ứng hoặc sản xuất được theo hiệu suất phản ứng.</li> </ul>	
12	24	Bài 19. Sắt	I. Tính chất vật lí: II. Tính chất hóa học:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được tính chất hóa học của sắt và viết phương trình hóa học minh họa: chúng có những tính chất hóa học chung của kim loại; sắt không phản ứng với <math>\text{HNO}_3</math> và <math>\text{H}_2\text{SO}_4</math> đặc nguội; sắt là kim loại có nhiều hóa trị. Viết các phương trình minh họa.</li> <li>- Phân biệt được nhôm và Fe bằng phương pháp hóa học.</li> <li>- Tính thành phần phần trăm về khối lượng của hỗn hợp bột nhôm và Fe tham gia phản ứng hoặc sản xuất được theo hiệu suất phản ứng.</li> </ul>	Trên lớp
13	25	Bài 20. Hợp kim sắt: Gang, thép	I. Hợp kim sắt: 1. Gang là gì? 2. Thép là gì? II. Sản xuất gang, thép: 1. Sản xuất gang như thế nào? 2. Sản xuất thép như thế nào?	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được thành phần chính của gang và thép.</li> <li>- Hiểu được sơ lược về phương pháp sản xuất gang và thép.</li> <li>- Tính khối lượng của Fe tham gia phản ứng hoặc sản xuất theo hiệu suất.</li> </ul>	Trên lớp
13	26	Bài 21. Ăn mòn kim loại và bảo vệ kim loại không bị ăn mòn	I. Thế nào là sự ăn mòn kim loại II. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự ăn mòn kim loại III. Làm thế nào để bảo vệ các đồ vật bằng kim loại không bị ăn mòn?	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm về sự ăn mòn kim loại và một số yếu tố ảnh hưởng đến sự ăn mòn kim loại.</li> <li>- Trình bày được cách bảo vệ kim loại khỏi sự ăn mòn.</li> <li>- Nhận biết được sự ăn mòn trong thực tế.</li> <li>- Vận dụng được những kiến thức để bảo vệ một số đồ vật bằng kim loại trong gia đình.</li> </ul>	Trên lớp
14	27	Bài 22. Luyện tập	I. Kiến thức cần nhớ:	- Hệ thống lại: Dãy hoạt động hoá học của K <sup>+</sup> ; tính	Trên lớp

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học
		chương II: Kim loại	II. Bài tập:	<p>chất hoá học của KL; thành phần, tính chất, sản xuất gang, thép; sản xuất nhôm; sự ăn mòn KL là gì? ; biện pháp bảo vệ KL</p> <p>- So sánh để rút ra tính chất hoá học giống nhau và khác nhau giữa nhôm &amp; sắt, vận dụng ý nghĩa của dãy hoạt động hoá học để viết các PTHH, giải bài tập hoá học.</p>	
14	28	Bài 23. Thực hành: Tính chất hóa học của nhôm và sắt	<p>I. Tiến hành thí nghiệm</p> <p>1. TN 1: Tác dụng của nhôm với oxi</p> <p>2. TN 2: Tác dụng của sắt với lưu huỳnh</p> <p>3. TN 3: Nhận biết kimn loại Al, Fe</p> <p>II. Viết bản tường trình</p>	<p>- Hiểu được: mục đích, các bước tiến hành và có kĩ thuật thực hiện các thí nghiệm:</p> <p>+ Nhôm tác dụng với oxi</p> <p>+ Sắt tác dụng với S</p> <p>+ Nhận biết kim loại Al và Fe.</p>	Trên lớp
15	29	Bài 25. Tính chất chung của phi kim	<p>I. Phi kim có những tính chất vật lí nào?</p> <p>II. Phi kim có những tính chất hóa học nào?</p> <p>1. Tác dụng với kim loại</p> <p>2. Tác dụng với hiđro</p> <p>3. Tác dụng với oxi</p> <p>4. Mức độ hoạt động hóa học của phi kim</p>	<p>- Nêu được tính chất vật lí của phi kim.</p> <p>- Trình bày được tính chất hóa học của phi kim và viết được phương trình hóa học: tác dụng với kim loại, với hiđro, và với oxi.</p> <p>- Trình bày được sơ lược về mức độ hoạt động hóa học mạnh yếu của một số pk.</p> <p>- Viết một số phương trình hóa học theo sơ đồ chuyển hóa của phi kim.</p> <p>- Tính lượng phi kim và hợp chất của phi kim trong phản ứng</p>	Trên lớp
15-16	30-31	Bài 26. Clo	<p>I. Tính chất vật lí</p> <p>II. Tính chất hóa học</p> <p>1. Clo có những tính chất hóa học của phi kim không?</p> <p>2. Clo có những tính chất hóa học nào khác?</p> <p>III. Ứng dụng của clo</p> <p>IV. Điều chế khí clo</p> <p>1. Điều chế clo trong phòng thí nghiệm</p> <p>2. Điều chế clo trong công nghiệp</p>	<p>- Nêu được tính chất vật lí của clo.</p> <p>- Trình bày được: Clo có một số tính chất chung của phi kim ( tác dụng với kim loại, với hiđro), clo còn tác dụng với nước và với dung dịch bazơ, clo là phi kim hoạt động hóa học mạnh.</p> <p>- Trình bày được ứng dụng phương pháp điều chế và thu khí clo trong phòng thí nghiệm và trong công nghiệp.</p> <p>- Tính thể tích khí clo tham gia hoặc tạo thành trong phản ứng hóa học ở đktc</p>	Trên lớp

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học				
16,17	32-33	<table><tr><td rowspan="3">Chủ đề 6: : Cacbon và các hợp chất của cacbon</td><td>Bài 27. Cacbon</td></tr><tr><td>Bài 28. Các oxit của cacbon</td></tr><tr><td>Bài 29. Axit cacbonic và muối cacbonat</td></tr></table>	Chủ đề 6: : Cacbon và các hợp chất của cacbon	Bài 27. Cacbon	Bài 28. Các oxit của cacbon	Bài 29. Axit cacbonic và muối cacbonat	A. Cacbon I. Các dạng thù hình của cacbon 1. Dạng thù hình là gì? 2. Cacbon có những dạng thù hình nào? II. Tính chất của cacbon 1. Tính chất hấp phụ 2. Tính chất hóa học III. Ứng dụng của cacbon B. Các oxit của cacbon I. Cacbon oxit 1. Tính chất vật lí 2. Tính chất hóa học 3. Ứng dụng II. Cacbon đioxit 1. Tính chất vật lí 2. Tính chất hóa học 3. Ứng dụng C. Axit cacbonic và muối cacbonat I. Axit cacbonic 1. Trạng thái thiên nhiên và tính chất vật lí 2. Tính chất hóa học II. Muối cacbonat 1. Phân loại 2. Tính chất a. Tính tan b. Tính chất hóa học c. Ứng dụng	- Biết: Đơn chất cacbon có 3 dạng thù hình chính: Kim cương, than chì và cacbon vô định hình. - Hiểu được Cacbon vô định hình (than gỗ, than xương, mỏ hóng...) có tính hấp phụ và hoạt động hóa học nhất - Sơ lược tính chất vật lí của 3 dạng thù hình . - Nêu được tính chất hóa học của cacbon ( là phi kim hoạt động hóa học yếu ): Tác dụng với oxi và một số oxit kim loại, tính chất hóa học đặc biệt của cacbon là tính khử ở nhiệt độ cao. - Nêu được một số ứng dụng tương ứng với tính chất vật lí và tính chất hóa học của cacbon - Nêu được CO là oxit không tạo muối, độc, khử được nhiều oxit kim loại ở nhiệt độ cao. - Trình bày được CO <sub>2</sub> có tính chất của oxit axit. - Xác định phản ứng có thực hiện được hay không và viết các PTHH. - Nhận biết được khí CO <sub>2</sub> - Tính thành phần phần trăm thể tích khí CO, CO <sub>2</sub> trong hỗn hợp.	Trên lớp, tự học có hướng dẫn
Chủ đề 6: : Cacbon và các hợp chất của cacbon	Bài 27. Cacbon								
	Bài 28. Các oxit của cacbon								
	Bài 29. Axit cacbonic và muối cacbonat								
		<b>Ôn tập HKI</b>	I. Kiến thức cần nhớ II. Bài tập	Hệ thống hóa các kiến thức đã học về: - Tính chất hoá học, phân loại và mối quan hệ giữa các hợp chất vô cơ. - Tính chất hoá học của KL và dãy hoạt động hoá học, tính chất hoá học của PK - Làm được bài tập tính theo phương trình hóa học liên quan đến C% và C <sub>M</sub> ; các dạng bài tập về kim	Trên lớp				



Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học
17	34			loại. - Trình bày được axit cacbonnic là axit yếu, kém bền; muối cacbonnat có những tính chất của muối như: tác dụng với axit, với dd muối, với dd kiềm; ngoài ra muối cacbonnat dễ bị nhiệt phân hủy giải phóng khí CO <sub>2</sub> và H <sub>2</sub> O; - Nêu được ứng dụng của môi cacbonat trong đời sống và sản xuất. - Xác định phản ứng có thực hiện được hay không và viết các PTHH. - Nhận biết một số muối cụ thể.	
18	35-36	<b>Kiểm tra cuối kì I</b> <b>Trả bài KT HKI</b>			

**HỌC KỲ II**  
**Từ tuần 19 đến tuần 35 (thực học)**

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học
19	37	Chủ đề 6: : Cacbon và các oxit của cacbon ( tt )			Trên lớp, tự học có hướng dẫn
19	38	Bài 30. Silic - Công nghiệp silicat	I. Silic 1. Trạng thái thiên nhiên 2. Tính chất II. Silic đioxit III. Sơ lược về công nghiệp silicat 1. Sản xuất đồ gốm 2. Sản xuất xi măng	- Nêu được: Silic là phi kim hoạt động hóa học yếu. silic là chất bán dẫn; silic đioxit là chất có nhiều trong tự nhiên ở dạng đất sét trắng, cao lanh, thạch anh...silicđioxit là một oxit axit - Nêu được một số ứng dụng quan trọng của silic, silic đi oxit và muối silicat - Trình bày sơ lược về thành phần và các công đoạn chính sản xuất thủy tinh, đồ gốm, xi măng. - Viết được các PTHH minh họa cho tính chất của Si, SiO <sub>2</sub> , muối silicat.	Trên lớp

20	39-40	Bài 31. Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học	<p>I. Nguyên tắc sắp xếp các nguyên tố trong bảng tuần hoàn</p> <p>II. Cấu tạo bảng tuần hoàn</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Ô nguyên tố</li> <li>2. Chu kì</li> <li>3. Nhóm</li> </ol> <p>III. Sự biến đổi tính chất trong bảng tuần hoàn</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trong một chu kì</li> <li>2. Trong một nhóm</li> </ol> <p>IV. Ý nghĩa của bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Biết vị trí của nguyên tố ta có thể suy đoán cấu tạo nguyên tử và tính chất của nguyên tố</li> <li>2. Biết vị trí của nguyên tử của nguyên tố ta có thể suy đoán vị trí và tính chất của nguyên tố</li> </ol>	<p>- Nêu được các nguyên tố trong bảng tuần hoàn được sắp xếp theo chiều tăng dần của điện tích hạt nhân nguyên tử. Lấy ví dụ minh họa.</p> <p>- Xác định được cấu tạo bảng tuần hoàn gồm: ô nguyên tố, chu kì nhóm, nhóm. Lấy ví dụ minh họa.</p> <p>- Quan sát bảng tuần hoàn, ô ng/tổ cụ thể, nhóm I và VII, chu kì 1,2,3 và rút nhận xét ô ng/tổ, về chu kì và nhóm.</p> <p>- Qui luật biến đổi tính kim loại, phi kim trong chu kì và nhóm. Lấy ví dụ minh họa.</p> <p>- Nêu được ý nghĩa của bảng tuần hoàn: Sơ lược về mối quan hệ giữa cấu tạo ng/tử, vị trí ng/tổ trong bảng tuần và tính chất hóa học cơ bản của ng/tổ đó.</p> <p>- Dự đoán tính chất cơ bản của nguyên tố khi biết vị trí của nó trong bảng tuần hoàn.</p> <p>- Biết cấu tạo nguyên tử của nguyên tố suy ra vị trí và tính chất của nó.</p> <p>So sánh tính kim loại hoặc phi kim của một ng/tổ cụ thể với các ng/tổ lân cận (trong 20 ng/tổ đầu tiên)</p>	Trên lớp
21	41	Bài 32. Luyện tập chương III: Phi kim – Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học	<p>I. Kiến thức cần nhớ</p> <p>II. Bài tập</p>	<p>Hệ thống hoá lại các kiến thức đã học trong chương như:</p> <p>- Tính chất của PK, Clo, cacbon, silic, oxit cacbon, axit cacbonic, tính chất của muối cacbonat</p> <p>- Cấu tạo bảng tuần hoàn và sự biến đổi tuần hoàn tính chất của các nguyên tố trong chu kỳ, nhóm và ý nghĩa của bảng tuần hoàn.</p> <p>- Vận dụng chọn chất thích hợp lập sơ đồ dãy chuyển đổi giữa các chất. Viết PTHH cụ thể.</p> <p>- Biết xây dựng dãy chuyển đổi cụ thể và ngược lại. Viết PTHH biểu diễn</p> <p>- Biết vận dụng bảng HTTH: Cụ thể hoá ý nghĩa của ô nguyên tố, chu kỳ, nhóm; vận dụng quy luật sự biến đổi tính chất trong chu kỳ, nhóm đối với từng nguyên tố cụ thể, so sánh tính kim loại, phi kim của 1 nguyên tố với những nguyên tố lân cận; suy đoán cấu tạo nguyên tử, tính chất của nguyên tố cụ thể từ vị trí và ngược lại.</p>	Trên lớp

21	42	Bài 33. Thực hành: Tính chất hóa học của phi kim và hợp chất của chúng	<p>I. Tiến hành thí nghiệm</p> <p>1. TN 1: Cacbon khử đồng ( II ) oxit ở nhiệt độ cao</p> <p>2. TN 2: Nhiệt phân muối <math>\text{NaHCO}_3</math></p> <p>3. TN 3: Nhận biết muối cacbonat và muối clorua</p> <p>II. Viết bản tường trình</p>	<p>Hiểu mục đích, các bước tiến hành, kĩ thuật thực hiện các thí nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cacbon khử <math>\text{CuO}</math> ở nhiệt độ cao.</li> <li>- Nhiệt phân muối <math>\text{NaHCO}_3</math>.</li> <li>- Nhận biết muối cacbonat và muối clorua cụ thể.</li> </ul>	Trên lớp
22	43	Bài 34. Khái niệm về hợp chất hữu cơ và hóa học hữu cơ	<p>I. Khái niệm về hợp chất hữu cơ</p> <p>1. Hợp chất hữu cơ có ở đâu?</p> <p>2. Hợp chất hữu cơ là gì?</p> <p>3. Các hợp chất hữu cơ được phân loại như thế nào?</p> <p>II. Khái niệm về hợp chất hữu cơ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm về hợp chất hữu cơ và hoá học hữu cơ; Phân loại các hợp chất hữu cơ; công thức phân tử, công thức cấu tạo và ý nghĩa của nó.</li> <li>- Phân biệt được các hợp chất hữu cơ thông thường với các hợp chất vô cơ theo CTPT.</li> <li>- Thực hiện được: tính % các ng/tổ trong một hợp chất hữu cơ; Lập CTPT hợp chất hữu cơ dựa vào thành phần % các ng/tổ.</li> </ul>	
22	44	Bài 35. Cấu tạo phân tử hợp chất hữu cơ	<p>I. Đặc điểm cấu tạo phân tử hợp chất hữu cơ</p> <p>1. Hóa trị và liên kết giữa các nguyên tử</p> <p>2. Mạch cacbon</p> <p>3. Trật tự liên kết giữa các nguyên tử trong phân tử</p> <p>II. Công thức cấu tạo</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được đặc điểm cấu tạo phân tử hợp chất hữu cơ, công thức cấu tạo hợp chất hữu cơ và ý nghĩa của nó.</li> <li>- Viết được CTCT mạch hở, mạch vòng của 1 số chất đơn giản (&lt; 4C) khi biết công thức phân tử.</li> </ul>	Trên lớp
23	45	Bài 36. Metan	<p>I. Trạng thái tự nhiên, tính chất vật lí</p> <p>II. Cấu tạo phân tử</p> <p>III. Tính chất hóa học</p> <p>1. Tác dụng với oxi</p> <p>2. Tác dụng với clo</p> <p>IV. Ứng dụng</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết được công thức phân tử, công thức cấu tạo, nêu được đặc điểm cấu tạo của metan.</li> <li>- Nêu được tính chất vật lí của metan: trạng thái, màu sắc, tính tan trong nước, tỉ khối so với không khí.</li> <li>- Trình bày tính chất hoá học và viết được phương trình hóa học minh họa: tác dụng được với clo (phản ứng thế), với oxi ( phản ứng cháy).</li> <li>- Nêu được ứng dụng của metan: dùng làm nhiên liệu và nguyên liệu trong đời sống và sản xuất.</li> <li>- Viết PTHH dạng công thức phân tử và công thức cấu tạo thu gọn .</li> <li>- Phân biệt khí metan với một vài khí khác; tính % khí metan trong hỗn hợp.</li> </ul>	Trên lớp

23	46	Bài 37. Etylen	<p>I. Trạng thái tự nhiên, tính chất vật lí</p> <p>II. Cấu tạo phân tử</p> <p>III. Tính chất hóa học</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Etylen có cháy không?</li> <li>2. Etylen có làm mất màu dd brom không?</li> <li>3. Các phân tử etylen có kết hợp được với nhau không?</li> </ol> <p>IV. Ứng dụng</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết được công thức phân tử, công thức cấu tạo, nêu được đặc điểm cấu tạo của etilen.</li> <li>- Nêu được tính chất vật lí của etylen: trạng thái, màu sắc, tính tan trong nước, tỉ khối so với không khí.</li> <li>- Trình bày được tính chất hoá học và viết được phương trình hóa học minh họa: phản ứng cộng brom trong dung dịch; phản ứng trùng hợp tạo PE, phản ứng cháy.</li> <li>- Nêu được ứng dụng của etylen: làm nguyên liệu điều chế nhựa PE, ancol (rượu) etylic, axit axetic,...</li> <li>- Phân biệt khí etilen với khí metan bằng phương pháp hóa học.</li> <li>- Thực hiện được tính % thể tích khí etilen trong hỗn hợp khí hoặc thể tích khí đã tham gia phản ứng ở đktc.</li> </ul>	Trên lớp
24	47	Bài 38. Axetilen	<p>I. Trạng thái tự nhiên, tính chất vật lí</p> <p>II. Cấu tạo phân tử</p> <p>III. Tính chất hóa học</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Axetylen có cháy không?</li> <li>2. Axetylen có làm mất màu dd brom không?</li> </ol> <p>IV. Ứng dụng</p> <p>V. Điều chế</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết được công thức phân tử, công thức cấu tạo, đặc điểm cấu tạo.</li> <li>- Nêu được tính chất vật lí: trạng thái, màu sắc, tính tan trong nước, tỉ khối so với không khí.</li> <li>- Trình bày được tính chất hoá học: phản ứng cộng brom trong dung dịch, phản ứng cháy.</li> <li>- Nêu được ứng dụng của axetylen: làm nhiên liệu và nguyên liệu trong công nghiệp.</li> <li>- Phân biệt khí axetilen với khí metan bằng phương pháp hóa học.</li> <li>- Thực hiện được tính % thể tích axetilen trong hỗn hợp, thể tích khí axetilen tham gia phản ứng</li> <li>- Trình bày được các phương pháp điều chế axetilen từ <math>\text{CaC}_2</math> và <math>\text{CH}_4</math></li> </ul>	Trên lớp
24	48	Bài 40. Dầu mỏ và khí thiên nhiên	<p>I. Dầu mỏ</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tính chất vật lí</li> <li>2. Trạng thái tự nhiên, thành phần của dầu mỏ</li> <li>3. Các sản phẩm chế biến từ dầu mỏ</li> </ol> <p>II. Khí thiên nhiên</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm, thành phần, trạng thái tự nhiên của dầu mỏ, khí thiên nhiên và khí mỏ dầu và phương pháp khai thác chúng; một số sản phẩm chế biến từ dầu mỏ.</li> <li>- Nêu được ứng dụng: Dầu mỏ và khí thiên nhiên là nguồn nhiên liệu và nguyên liệu quý trong công nghiệp.</li> <li>- Vận dụng được sử dụng có hiệu quả một số sản phẩm dầu mỏ và khí thiên nhiên.</li> </ul>	Trên lớp, tự học có hướng dẫn

25	49	Bài 41. Nhiên liệu	<p>I. Nhiên liệu là gì?</p> <p>II. Nhiên liệu được phân loại như thế nào?</p> <p>III. Sử dụng nhiên liệu như thế nào cho hiệu quả?</p>	<p>- Nêu được khái niệm về nhiên liệu, các dạng nhiên liệu phổ biến (rắn, lỏng, khí)</p> <p>- Vận dụng được cách sử dụng nhiên liệu (gas, dầu hỏa, than...) an toàn có hiệu quả, giảm thiểu ảnh hưởng không tốt tới môi trường.</p> <p>- Thực hiện được tính nhiệt lượng tỏa ra khi đốt cháy than, khí metan và thể tích khí CO<sub>2</sub> tạo thành.</p>	Trên lớp
25	50	Bài 42. Luyện tập chương IV: Hidrocacbon – Nhiên liệu	<p>I. Kiến thức cần nhớ</p> <p>II. Bài tập</p>	<p>Hệ thống lại các kiến thức đã học về Hidrocacbon.</p> <p>- Hệ thống mối quan hệ giữa cấu tạo và tính chất hoá học của các Hidrocacbon.</p> <p>- Các phương pháp giải bài tập nhận biết, xác định CT hợp chất hữu cơ, tính phần trăm các chất trong hỗn hợp...</p>	Trên lớp
26	51	Bài 43. Thực hành: Tính chất hóa học của hiđrocacbon	<p>I. Tiến hành thí nghiệm</p> <p>1. TN1: Điều chế axetylen</p> <p>2. TN 2: Tính chất của axetylen</p> <p>II. Viết bản tường trình</p>	<p>- Lắp ráp được dụng cụ điều chế khí C<sub>2</sub>H<sub>2</sub> từ CaC<sub>2</sub></p> <p>- Thực hiện phản ứng cho C<sub>2</sub>H<sub>2</sub> tác dụng với dung dịch Br<sub>2</sub> và đốt cháy C<sub>2</sub>H<sub>2</sub>.</p> <p>- Viết phương trình điều chế axetilen, phản ứng của C<sub>2</sub>H<sub>2</sub> với dung dịch Br<sub>2</sub>, phản ứng cháy của C<sub>2</sub>H<sub>2</sub></p>	Trên lớp
26	52	<b>Ôn tập giữa kì II</b>	<p>I. Kiến thức cần nhớ</p> <p>II. Bài tập</p>		Trên lớp
27	53	<b>Kiểm tra giữa kì II</b>		<p>- Kiểm tra kiến thức đã học thuộc chương: Phi kim và HC- Nhiên liệu.</p> <p>- Kiểm tra kỹ năng nhận dạng công thức, kỹ năng viết phương trình và kỹ năng giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình. Kỹ năng nhận biết các chất khí đặc biệt là các HC.</p>	

27, 28	54-55	Bài 44. Rượu etylic	<p>I. Tính chất vật lí</p> <p>II. Cấu tạo phân tử</p> <p>III. Tính chất hóa học</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Rượu etylic có cháy không?</li> <li>2. Rượu etylic có phản ứng với natri không?</li> <li>3. Phản ứng với axit axetic ( bài 45 )</li> </ol> <p>IV. Ứng dụng</p> <p>V. Điều chế</p>	<p>- Viết CTPT, CTCT, CTCT thu gọn, đặc điểm cấu tạo.</p> <p>- Nêu được tính chất vật lý của rượu etylic; khái niệm độ rượu.</p> <p>- Trình bày được tính chất hoá học và viết phương trình hóa học minh họa: phản ứng với Na, với axit axetic, phản ứng cháy.</p> <p>- Nêu được ứng dụng phổ biến của rượu etylic</p> <p>- Trình bày được phương pháp điều chế ancol etylic từ tinh bột, đường hoặc từ etylen.</p> <p>- Thực hiện được tính khối lượng ancol etylic tham gia trong phản ứng có sử dụng độ rượu và hiệu suất quá trình; tính được độ rượu.</p>	Trên lớp
28, 29	56-57	Bài 45. Axit axetic	<p>I. Tính chất vật lí</p> <p>II. Cấu tạo phân tử</p> <p>III. Tính chất hóa học</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Axit axetic có tính chất của axit không?</li> <li>2. Axit axetic có tác dụng với rượu etylic không?</li> </ol> <p>IV. Ứng dụng</p> <p>V. Điều chế</p>	<p>- Viết được công thức phân tử, công thức cấu tạo, đặc điểm cấu tạo của axit axetic.</p> <p>- Nêu được tính chất vật lý của axit</p> <p>- Trình bày được tính chất hóa học và viết phương trình hóa học minh họa: tính chất chung của axit; tác dụng với ancol etylic tạo thành este;</p> <p>- Nêu được khái niệm phản ứng este hoá.</p> <p>- Nêu được ứng dụng phổ biến của axit</p> <p>- Trình bày được phương pháp điều chế axit axetic bằng cách lên men ancol etylic. Viết PTHH.</p> <p>- Phân biệt axit axetic với ancol etylic và chất lỏng khác.</p> <p>- Thực hiện được tính nồng độ axit hoặc khối lượng dung dịch axit axetic tham gia hoặc tạo thành trong phản ứng.</p>	Trên lớp
29	58	Bài 46. Mối liên hệ giữa rượu etylic và axit axetic	<p>I. Sơ đồ liên hệ giữa etilen, rượu etylic và axit axetic</p> <p>II. Bài tập</p>	<p>- Thiết lập được sơ đồ mối liên hệ giữa etylen, ancol etylic, axit axetic và este etyl axetat.</p> <p>- Viết các PTHH minh họa cho các mối liên hệ.</p> <p>- Thực hiện được tính hiệu suất phản ứng este hóa, tính phần trăm khối lượng các chất trong hỗn hợp lỏng.</p>	Trên lớp

30	59	Bài 47. Chất béo	<p>I. Chất béo có ở đâu?</p> <p>II. Chất béo có những tính chất vật lí quan trọng nào?</p> <p>III. Chất béo có thành phần và cấu tạo như thế nào?</p> <p>IV. Chất béo có tính chất hóa học quan trọng nào?</p> <p>V. Chất béo có ứng dụng gì?</p>	<p>- Nêu được khái niệm chất béo, trạng thái thiên nhiên, công thức tổng quát của chất béo đơn giản là <math>(RCOO)_3C_3H_5</math>, đặc điểm cấu tạo.</p> <p>- Nêu được chất vật lí của các chất béo</p> <p>- Trình bày tính chất hóa học và viết được phương trình phản ứng minh họa: phản ứng thủy phân trong môi trường axit và trong môi trường kiềm (phản ứng xà phòng hóa).</p> <p>- Nêu được ứng dụng của chất béo trong thực tế</p> <p>- Phân biệt chất béo (dầu ăn, mỡ ăn) với hiđrocacbon (dầu mỡ công nghiệp).</p> <p>- Thực hiện được tính khối lượng xà phòng thu được theo hiệu suất.</p>	Trên lớp
30	60	Bài 48. Luyện tập: Rượu etylic, axit axetic và chất béo	<p>I. Kiến thức cần nhớ</p> <p>II. Bài tập</p>	<p>- Hệ thống các kiến thức cơ bản về rượu etylic, axit axetic và chất béo.</p> <p>- Nhận biết chất, viết phương trình hóa học minh họa.</p> <p>- Thực hiện giải 1 số dạng bài tập</p>	Trên lớp
31	61	Bài 49. Thực hành: Tính chất của rượu và axit	<p>I. Tiến hành thí nghiệm</p> <p>1. TN 1: Tính axit của axit axetic</p> <p>2. TN 2: Phản ứng của rượu etylic với axit axetic</p> <p>II. Viết bản tường trình</p>	<p>- Thực hiện thí nghiệm thể hiện tính chất của axit axetic</p> <p>- Quan sát thí nghiệm điều chế este axetat.</p> <p>- Viết PTHH minh họa các thí nghiệm đã thực hiện .</p>	Trên lớp

31,32	62-63	Bài 50, 51: Glucozo, Saccarozo	<p>I. Trạng thái thiên nhiên</p> <p>II. Tính chất vật lí</p> <p>III. Tính chất hóa học</p> <p>IV. Ứng dụng</p>	<p>- Nêu được công thức phân tử, trạng thái tự nhiên, tính chất vật lí (trạng thái, màu sắc, mùi vị, tính tan...) của glucozo và saccarơ; viết được các PTHH (dạng CTPT)</p> <p>- Trình bày được tính chất hóa học và viết phương trình hóa học: Phản ứng tráng gương, phản ứng lên men rượu (của glucozo); còn saccarozo không có phản ứng tráng gương mà chỉ có phản ứng thủy phân.</p> <p>- Nêu được ứng dụng: glucozo và sacarozo là chất dinh dưỡng quan trọng của con người và động vật.</p> <p>- Phân biệt glucozo với ancol êtylic và axit axetic, phân biệt glucozo và sacarozo.</p> <p>- Tính khối lượng glucôzơ trong phản ứng lên men rượu khi biết hiệu suất quá trình lên men.</p> <p>- Viết được PTHH thực hiện dãy chuyển hóa từ sacarozo <math>\longrightarrow</math> glucôzơ <math>\longrightarrow</math> Ancol êtylic <math>\longrightarrow</math> axit axetic.</p>	Trên lớp
32	64	Bài 52. Tinh bột và xenlulozo	<p>I. Trạng thái tự nhiên</p> <p>II. Tính chất vật lí</p> <p>III. Đặc điểm cấu tạo phân tử</p> <p>IV. Tính chất hóa học</p> <p>1. Phản ứng thủy phân</p> <p>2. Tác dụng của tinh bột với iot</p> <p>V. Tinh bột, xenlulozo có ứng dụng gì?</p>	<p>- Nêu được trạng thái tự nhiên, tính chất vật lí của tinh bột và xenlulôzơ.</p> <p>- Viết được công thức chung của tinh bột và xenlulôzơ là <math>(C_6H_{10}O_5)_n</math>.</p> <p>- Trình bày tính chất hóa học của tinh bột và xenlulôzơ và viết phương trình hóa học minh họa; phản ứng thủy phân và phản ứng màu của hồ tinh bột.</p> <p>- Nêu được ứng dụng của tinh bột và xenlulôzơ trong đời sống và sản xuất; sự tạo thành của tinh bột và xenlulôzơ trong cây xanh.</p> <p>- Quan sát thí nghiệm, hình ảnh mẫu vật... rút ra nhận xét về tính chất của tinh bột và xenlulôzơ.</p> <p>- Phân biệt được tinh bột và xenlulôzơ.</p> <p>- Thực hiện được tính khối lượng rượu êtylic thu được từ tinh bột và xenlulôzơ.</p>	Trên lớp



33	65-66	Bài 53. Protein Bài 54. Polime	<p>I. Protein</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trạng thái tự nhiên</li> <li>2. Thành phần và cấu tạo phân tử               <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Thành phần nguyên tố</li> <li>b. Cấu tạo phân tử</li> </ol> </li> <li>3. Tính chất               <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Phản ứng thủy phân</li> <li>b. Sự phân hủy bởi nhiệt</li> <li>c. Sự đông tụ</li> </ol> </li> <li>3. Ứng dụng</li> </ol> <p>II. Polime</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Polime là gì?</li> <li>2. Polime có cấu tạo và tính chất như thế nào?</li> </ol>	<p>- Nêu được khái niệm, đặc điểm cấu tạo phân tử ( do nhiều axit amin tạo nên) và khối lượng phân tử của prôtêin.</p> <p>- Trình bày được tính chất hóa học và viết phương trình hóa học: phản ứng thủy phân có xúc tác hoặc bazơ, enzym, bị đông tụ khi có tác dụng của hóa chất hoặc nhiệt độ, dễ bị phân hủy khi đun nóng mạnh.</p> <p>- Viết được sơ đồ phản ứng thủy phân prôtêin.</p> <p>- Phân biệt prôtêin( len lông cừu, tơ tằm) với chất khác ( nylon) phân biệt amino axit và axit theo thành phần phân tử.</p> <p>- Nêu được định nghĩa, cấu tạo, cách phân loại, tính chất chung của các polime.</p> <p>- Viết được công thức tổng quát của một số polime từ công thức cấu tạo của chúng, từ đó suy ra công thức của monome và ngược lại.</p>	Trên lớp
34	67	Bài 55. Thực hành: Tính chất của glucit	<p>I. Tiến hành thí nghiệm</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. TN 1: Tác dụng của glucozo với bạc nitrat trong dd amoniac</li> <li>2. TN 2: Phân biệt glucozo, saccarozo, tinh bột</li> </ol> <p>II. Viết bản tường trình</p>	<p>- Viết được phản ứng tráng gương của glucozo; phân biệt được glucozo, sacarozo và tinh bột.</p> <p>- Thực hiện thành thạo phản ứng tráng gương.</p>	Trên lớp
34	68	<b>Bài 56. Ôn tập cuối năm</b>	<p>I. Kiến thức cần nhớ</p> <p>II. Bài tập</p>	<p>- Hệ thống hóa lại các kiến thức hóa hữu cơ và hóa học vô cơ đã học</p> <p>- Làm các dạng bài tập hóa hữu cơ và hóa học vô cơ bản đã học</p>	Trên lớp
35	69-70	<b>Kiểm tra cuối kì II</b> <b>Trả bài KT HKII</b>			

DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU  
PHT

TỔ TRƯỞNG

NHÓM TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

TRẦN MINH TÚ

ĐỖ HỒNG BẢO THIÊN

ĐỖ HỒNG BẢO THIÊN

